

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Hữu Chính	Chủ tịch
Ông Vũ Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên
Ông Bùi Hữu Đạt	Thành viên
Ông Lâm Ngọc Uyên	Thành viên
Bà Mai Thị Yên Thế	Thành viên
Ông Hoàng Văn Chung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Vũ Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 04 tháng 02 năm 2013



Số: 14/VACOHP/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 04 tháng 02 năm 2013, từ trang 04 đến trang 22. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Nguyễn Minh Hùng
Giám đốc Chi nhánh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV
Thay mặt và đại diện cho
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VACO TẠI HẢI PHÒNG**
Ngày 04 tháng 02 năm 2013
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Hồng Hiền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1117/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		118.240.178.157	84.822.765.816
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	74.094.997.382	34.990.194.961
1. Tiền	111		494.997.382	690.194.961
2. Các khoản tương đương tiền	112		73.600.000.000	34.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	10.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	-	10.000.000.000
III. Phải thu ngắn hạn	130		41.039.815.374	36.958.044.809
1. Phải thu khách hàng	131		40.965.140.904	34.757.143.980
2. Các khoản phải thu khác	135	6	1.426.558.675	2.200.900.829
3. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.351.884.205)	-
IV. Hàng tồn kho	140	7	2.624.363.046	2.580.446.986
1. Hàng tồn kho	141		2.624.363.046	2.580.446.986
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		481.002.355	294.079.060
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		223.862.007	254.079.060
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		194.384.221	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	62.756.127	40.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		144.361.335.991	134.593.029.541
I. Tài sản cố định	220		108.662.707.071	98.903.681.532
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	108.391.414.836	98.503.055.963
- Nguyên giá	222		273.444.425.432	238.147.912.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(165.053.010.596)	(139.644.856.842)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	202.481.480	331.814.814
- Nguyên giá	228		422.000.000	422.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(219.518.520)	(90.185.186)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	68.810.755	68.810.755
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		35.584.573.920	35.584.573.920
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	35.584.573.920	35.584.573.920
III. Tài sản dài hạn khác	260		114.055.000	104.774.089
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	114.055.000	104.774.089
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		262.601.514.148	219.415.795.357

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		39.456.604.013	29.762.530.883
I. Nợ ngắn hạn	310		39.456.604.013	29.474.191.037
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		10.970.779.017	11.285.422.671
3. Người mua trả tiền trước	313		3.014.000	61.396.482
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	7.423.700.697	2.815.039.517
5. Phải trả công nhân viên	315		15.761.563.347	10.446.859.028
6. Chi phí phải trả	316	15	98.562.801	686.964.860
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	1.730.418.666	1.401.720.712
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.468.565.485	2.776.787.767
II. Nợ dài hạn	330		-	288.339.846
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	288.339.846
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		223.144.910.135	189.653.264.474
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	223.144.910.135	189.653.264.474
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		78.749.720.000	78.749.720.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.352.660.454	1.352.660.454
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	40.738.533
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		62.442.706.284	44.982.320.384
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.701.857.995	5.250.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		72.897.965.402	59.277.825.103
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		262.601.514.148	219.415.795.357

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	01/01/2012
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.635.875	2.635.875
2. Ngoại tệ các loại (USD)	3.307,54	3.301,00

Vũ Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Mai Thị Yên Thế
Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 04 tháng 02 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		249.347.647.665	179.809.088.916
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		249.347.647.665	179.809.088.916
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		135.926.475.933	114.394.843.561
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		113.421.171.732	65.414.245.355
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	11.432.725.037	8.791.400.909
7. Chi phí tài chính	22	19	71.081.312	440.000.596
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.885.267.129	13.299.066.167
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		102.897.548.328	60.466.579.501
11. Thu nhập khác	31		577.060.694	798.730.276
12. Chi phí khác	32		220.537.245	220.262.322
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		356.523.449	578.467.954
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		103.254.071.777	61.045.047.455
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	24.846.827.583	12.007.887.560
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		78.407.244.194	49.037.159.895
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	9.957	6.227

Vũ Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 04 tháng 02 năm 2013

Mai Thị Yên Thế
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	103.254.071.777	61.045.047.455
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	25.600.032.802	24.912.342.423
Các khoản dự phòng	03	1.351.884.205	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(11.910.706)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.311.206.256)	(7.499.751.203)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	118.882.871.822	78.457.638.675
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(6.464.723.218)	(12.946.306.900)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(43.916.060)	(626.397.408)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.786.076.017	6.021.712.039
Thay đổi chi phí trả trước	12	20.936.142	(204.554.059)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(19.652.117.650)	(12.690.397.422)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	6.288.470.399	5.611.028.054
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(11.097.082.789)	(5.447.409.928)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	91.720.514.663	58.175.313.051
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(34.709.058.341)	(38.953.065.663)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	1.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(13.953.393.920)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.445.220.902	7.243.415.092
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.262.746.530)	(55.663.044.491)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(39.352.938.250)	(10.542.732.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(39.352.938.250)	(10.542.732.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	39.104.829.883	(8.030.463.440)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	34.990.194.961	43.022.194.795
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(27.462)	(1.536.394)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	74.094.997.382	34.990.194.961

Vũ Tuấn Dương
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 04 tháng 02 năm 2013

Mai Thị Yên Thế
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá là Công ty Cổ phần được cổ phần hoá từ Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá theo quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá thành Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Kinh doanh số 0203000123 ngày 27/11/2001 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, sửa đổi lần 2 ngày 11/06/2008, sửa đổi lần 3 ngày 21/06/2011 và được cấp mã số doanh nghiệp là 0200443827, sửa đổi lần 4 ngày 12/10/2011.

Vốn Điều lệ: 78.749.720.000 đồng, trong đó:

- + Vốn của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam chiếm 51% tổng số Vốn Điều lệ, tương đương 40.162.500.000 đồng (4.016.250 cổ phần).
- + Vốn các cổ đông khác chiếm 49% tổng số Vốn Điều lệ, tương đương 38.587.220.000 đồng (3.858.722 cổ phần).

Công ty có 02 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải đa phương thức, được thành lập theo Quyết định số 17/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011;
- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Xếp dỡ và Giao nhận, được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 423 người (tại ngày 31/12/2011 là 372 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: bốc xếp hàng hoá; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết bao gồm: dịch vụ giao nhận hàng hoá, dịch vụ khai thuê hải quan, dịch vụ kiểm đếm hàng hoá, dịch vụ nâng cầu hàng hoá, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, môi giới thuê tàu biển; kho bãi và lưu giữ hàng hoá; vận tải hành khách ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác - dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá; vận tải hành khách đường thủy nội địa; vận tải hàng hoá đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Hoạt động chính của Công ty là: dịch vụ bốc xếp hàng hoá; kinh doanh kho bãi; vận tải và dịch vụ vận tải; đại lý vận tải, đại lý hàng hải.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (cổ đông trên 51%) và các Công ty thành viên thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng;
- Công ty Vận tải biển container Vinalines - CN TCT Hàng Hải VN - Công ty TNHH MTV;
- Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng - CN TCT Hàng Hải VN - Công ty TNHH MTV.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá thực tế đích danh. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, trong sổ dư hàng tồn kho đến ngày 31/12/2012 không có hàng tồn kho nào bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 13
Máy móc, thiết bị	06 - 08
Thiết bị quản lý	03 - 05
Phương tiện vận tải	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian 3 năm.

Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	268.594.832	474.703.592
Tiền gửi ngân hàng	226.402.550	215.491.369
Các khoản tương đương tiền (*)	73.600.000.000	34.300.000.000
Cộng	74.094.997.382	34.990.194.961

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam vay (*)	-	10.000.000.000
Cộng	-	10.000.000.000

(*) Là khoản tiền cho Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam vay theo Hợp đồng cho vay vốn số 01/2011/CDX-VNL ngày 26/10/2011 với lãi suất 14%/năm. Khoản vay đã được tất toán trong tháng 3 năm 2012.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu người lao động	992.403.393	1.013.960.219
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	345.580.556	480.686.111
Phải thu khác	88.574.726	706.254.499
Cộng	1.426.558.675	2.200.900.829

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.887.826.364	1.474.611.304
Công cụ, dụng cụ	736.536.682	1.105.835.682
Cộng giá gốc hàng tồn kho	2.624.363.046	2.580.446.986
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	2.624.363.046	2.580.446.986

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	62.366.262	40.000.000
Tài sản khác	389.865	-
Cộng	62.756.127	40.000.000

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	56.620.309.146	8.493.833.029	171.407.860.726	1.625.909.904	238.147.912.805
Mua trong năm	30.000.000	-	34.895.471.341	433.587.000	35.359.058.341
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(62.545.714)	(62.545.714)
Tại ngày 31/12/2012	56.650.309.146	8.493.833.029	206.303.332.067	1.996.951.190	273.444.425.432
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	47.746.817.946	1.707.184.866	89.521.565.825	669.288.205	139.644.856.842
Khấu hao trong năm	3.760.257.077	832.459.259	20.616.273.863	261.709.269	25.470.699.468
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(62.545.714)	(62.545.714)
Tại ngày 31/12/2012	51.507.075.023	2.539.644.125	110.137.839.688	868.451.760	165.053.010.596
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	8.873.491.200	6.786.648.163	81.886.294.901	956.621.699	98.503.055.963
Tại ngày 31/12/2012	5.143.234.123	5.954.188.904	96.165.492.379	1.128.499.430	108.391.414.836

Tại ngày 31/12/2012, nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với số tiền là 52.586.701.124 VND (tại ngày 31/12/2011 là 42.921.692.960 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý VND
NGUYỄN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2012	422.000.000
Tăng trong năm	-
Tại ngày 31/12/2012	422.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2012	90.185.186
Khấu hao trong năm	129.333.334
Tại ngày 31/12/2012	219.518.520
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2012	331.814.814
Tại ngày 31/12/2012	202.481.480

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 34.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2011 là 34.000.000 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Dự án nâng cấp cải tạo bãi giai đoạn 2	68.810.755	68.810.755
Cộng	68.810.755	68.810.755

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Góp vốn đầu tư		
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (a)	5.500.000.000	5.500.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng Hải Hải Phòng (b)	3.000.000.000	3.000.000.000
- Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines (c)	5.000.000.000	5.000.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao (d)	22.084.573.920	22.084.573.920
Cộng	35.584.573.920	35.584.573.920

(a) Phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ với giá trị 5.500.000.000 đồng tương đương với 550.000 cổ phần, chiếm 2,75% vốn điều lệ.

(b) Phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng Hải Hải Phòng với giá trị 3.000.000.000 đồng tương đương với 300.000 cổ phần, chiếm 2,5% vốn điều lệ.

(c) Phản ánh khoản vốn góp vào Trường Cao Đẳng nghề Hàng Hải Vinalines với số tiền là 5 tỷ đồng, chiếm 10% vốn điều lệ.

(d) Phản ánh khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao chiếm 15% vốn điều lệ, tương đương với giá trị phần vốn sở hữu là 450.000 USD (Vốn Điều lệ của Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao là 3.000.000 USD tương đương với 52.200.000.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2012	Năm 2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại 01/01	104.774.089	72.874.136
Tăng trong năm	228.110.000	209.548.181
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong năm	(218.829.089)	(177.648.228)
Tại 31/12	114.055.000	104.774.089

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	-	498.991.897
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.989.635.103	1.794.925.170
Thuế thu nhập cá nhân	434.065.594	521.122.450
Cộng	7.423.700.697	2.815.039.517

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả	98.562.801	686.964.860
Cộng	98.562.801	686.964.860

16. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	1.309.821.866	863.083.628
Khoản phải trả khác	420.596.800	538.637.084
Cộng	1.730.418.666	1.401.720.712

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn Điều lệ

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 78.749.720.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	40.162.500.000	40.162.500.000
Vốn góp của đối tượng khác	38.587.220.000	38.587.220.000
Cộng	78.749.720.000	78.749.720.000
Cổ phiếu	31/12/2012	01/01/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.874.972	7.874.972
+ Cổ phiếu phổ thông	7.874.972	7.874.972
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	7.874.972	7.874.972
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁSố 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ Dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại 01/01/2011	52.500.000.000	1.352.660.454	10.792.936	37.232.040.384	5.250.000.000	60.193.631.875	156.539.125.649
Trích lập các quỹ	-	-	-	34.000.000.000	-	(39.500.000.000)	(5.500.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(10.500.000.000)	(10.500.000.000)
Phát hành cổ phiếu thưởng	26.249.720.000	-	-	(26.249.720.000)	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	49.037.159.895	49.037.159.895
Tặng khác	-	-	40.738.533	-	-	47.033.333	87.771.866
Giảm khác	-	-	(10.792.936)	-	-	-	(10.792.936)
Số dư tại ngày 01/01/2012	78.749.720.000	1.352.660.454	40.738.533	44.982.320.384	5.250.000.000	59.277.825.103	189.653.264.474
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	17.460.385.900	2.451.857.995	(25.412.243.895)	(5.500.000.000)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2011 (*)	-	-	-	-	-	(23.624.916.000)	(23.624.916.000)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	78.407.244.194	78.407.244.194
Chia cổ tức đợt 1 năm 2012 (**)	-	-	-	-	-	(15.749.944.000)	(15.749.944.000)
Giảm khác	-	-	(40.738.533)	-	-	-	(40.738.533)
Số dư tại ngày 31/12/2012	78.749.720.000	1.352.660.454	-	62.442.706.284	7.701.857.995	72.897.965.402	223.144.910.135

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-DHCD ngày 28/02/2012, Đại hội thông qua phương án phân chia lợi nhuận như sau: trích quỹ dự phòng tài chính 5% tương đương với 2.451.857.995 đồng; trích quỹ Đầu tư phát triển 35,61% tương đương với 17.460.385.900 đồng; trích Quỹ thưởng Ban điều hành 1,02% tương đương với 500.000.000 đồng; trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 10,2%, tương đương với 5 tỷ đồng; chia cổ tức năm 2011 là 30% vốn Điều lệ bằng tiền mặt tương đương với 23.624.916.000 đồng.

(**) Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 43/NQ-HDQT ngày 16/11/2012 về việc tạm ứng 20 % cổ tức đợt 1 năm 2012. Công ty đã thực hiện chi trả xong số cổ tức này trong năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.860.115.347	4.749.751.203
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	4.450.000.000	2.750.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	110.698.984	1.291.649.706
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.910.706	-
Cộng	11.432.725.037	8.791.400.909

(*) Trong năm 2012, Công ty đã nhận cổ tức đợt 2 năm 2011 là 1.100.000.000 đồng và cổ tức đợt 1 năm 2012 là 1.100.000.000 đồng từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ; Và Công ty đã nhận được khoản chia lãi năm 2011 là 2.250.000.000 đồng từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao.

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	71.081.312	440.000.596
Cộng	71.081.312	440.000.596

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	103.254.071.777	61.045.047.455
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.450.000.000)	(2.750.000.000)
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	583.238.555	412.335.556
Thu nhập chịu thuế	99.387.310.332	58.707.383.011
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	24.846.827.583	14.676.845.753
Giảm do ưu đãi thuế suất (*)	-	(2.668.958.193)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.846.827.583	12.007.887.560

(*) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty cổ phần. Năm 2011 là năm thứ 10 Công ty được áp dụng thuế suất 20%.

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	78.407.244.194	49.037.159.895
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.874.972	7.874.972
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.957	6.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.479.435.520	24.174.665.022
Chi phí nhân công	68.488.845.671	47.989.858.246
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.600.032.802	24.912.342.423
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.208.132.780	25.681.965.704
Chi phí khác	7.035.296.289	4.935.078.333
Cộng	157.811.743.062	127.693.909.728

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ bốc xếp hàng hoá tại Thành phố Hải Phòng.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.094.997.382	34.990.194.961
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.391.699.579	36.958.044.809
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	10.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	35.584.573.920	35.584.573.920
Các khoản ký quỹ	389.865	-
Tổng cộng	152.071.660.746	117.532.813.690
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	12.701.197.683	12.687.143.383
Chi phí phải trả	98.562.801	686.964.860
Tổng cộng	12.799.760.484	13.374.108.243

Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) tuy nhiên các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ có thể chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	69.251.843	11.671.045.202	-	42.935.881

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nhiên liệu, nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng thường xuyên và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.094.997.382	-	74.094.997.382
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.391.699.579	-	42.391.699.579
Đầu tư tài chính dài hạn	-	35.584.573.920	35.584.573.920
Các khoản ký quỹ	389.865	-	389.865
Tổng cộng	116.487.086.826	35.584.573.920	152.071.660.746
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	12.701.197.683	-	12.701.197.683
Chi phí phải trả	98.562.801	-	98.562.801
Tổng cộng	12.799.760.484	-	12.799.760.484
Chênh lệch thanh khoản thuần	103.687.326.342	35.584.573.920	139.271.900.262

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hoá		
Công ty Vận tải biển Container Vinalines - CN TCT Hàng Hải VN - Công ty TNHH MTV	20.129.208.824	17.822.970.238
Mua hàng hoá, dịch vụ		
Công ty Vận tải biển Container Vinalines - CN TCT Hàng Hải VN - Công ty TNHH MTV	-	146.798.182
Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	1.384.118.675	3.151.079.045
Chi nhánh TCT Hàng Hải Việt Nam tại Hải Phòng	24.709.091	198.272.728
Công ty dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng - CN TCT Hàng Hải VN - Công ty TNHH MTV	618.709.000	447.947.000
Cổ tức đã trả		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	20.081.178.600	5.355.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	10.000.000.000
Số dư phải thu		
Công ty Vận tải biển Container Vinalines - CN TCT Hàng Hải VN - Công ty TNHH MTV	20.544.682.985	13.366.460.527
Số dư phải trả		
Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	365.379.585	1.500.539.569
Công ty dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng - CN TCT Hàng Hải VN - Công ty TNHH MTV	270.464.700	492.741.700

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán.

Vũ Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Mai Thị Yên Thế
Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 04 tháng 02 năm 2013